

**CHÍNH PHỦ**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: /2019/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

**DỰ THẢO**

## **NGHỊ ĐỊNH**

**QUY ĐỊNH VỀ ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA TRONG LĨNH VỰC SỨC KHỎE**

### **CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 06 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;*

*Căn cứ Luật Dược ngày 06 tháng 4 năm 2016;*

*Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định về đào tạo chuyên khoa trong lĩnh vực sức khỏe.*

### **Chương I**

#### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về:

1. Khung cơ cấu giáo dục đại học trong lĩnh vực sức khỏe; các bậc trình độ giáo dục đại học trong đào tạo lĩnh vực sức khỏe.
2. Hình thức, khối lượng học tập tối thiểu và thời gian đào tạo; yêu cầu đối với cơ sở đào tạo và cơ sở thực hành; hồ sơ đăng ký và quy trình giao nhiệm vụ đào tạo; văn bằng và chứng chỉ; bảo đảm điều kiện tài chính; quyền và trách nhiệm của cơ sở đào tạo, giảng viên và học viên đối với đào tạo chuyên khoa và chuyên khoa sâu (sau đây viết tắt là chuyên khoa) trong lĩnh vực sức khỏe.

##### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nghị định này áp dụng đối với:

1. Các cơ sở giáo dục đại học có đào tạo khối ngành sức khỏe, các bệnh viện, các viện đủ điều kiện được giao nhiệm vụ đào tạo chuyên khoa, các cơ sở thực hành đào tạo chuyên khoa lĩnh vực sức khỏe; các tổ chức, cá nhân có liên quan.
2. Các tổ chức, cá nhân sử dụng nhân lực y tế; các cá nhân đã tốt nghiệp trình độ đại học và sau đại học khối ngành sức khỏe có nhu cầu được đào tạo chuyên khoa lĩnh vực sức khỏe.

##### **Điều 3. Nguyên tắc chung**

Nghị định quy định về đào tạo chuyên khoa trong lĩnh vực sức khỏe đảm bảo các nguyên tắc:

1. Kế thừa, tiếp nối các quy định đảm bảo chất lượng, uy tín trong đào tạo chuyên khoa, nội trú trước đây.
2. Chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo để đạt được các năng lực thực hành nghề nghiệp trong khám bệnh, chữa bệnh, dự phòng và nâng cao sức khỏe.
3. Bảo đảm sự an toàn, tôn trọng và giữ bí mật thông tin cho người sử dụng dịch vụ y tế khi đào tạo chuyên khoa tại các cơ sở y tế.
4. Phù hợp cơ cấu nhân lực, phù hợp với nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân trong tình hình mới và hội nhập quốc tế.

#### **Điều 4. Giải thích từ ngữ**

1. Đào tạo chuyên khoa là loại hình đào tạo cho người đã tốt nghiệp các chương trình giáo dục đại học khối ngành sức khỏe có nhu cầu đào tạo nâng cao trình độ để có năng lực đào tạo và tự đào tạo nâng cao trình độ, nghiên cứu ứng dụng, làm việc chuyên nghiệp, độc lập với vai trò là chuyên gia theo một phạm vi hoạt động chuyên môn trong hệ thống y tế.
2. Đào tạo chuyên khoa sâu là loại hình đào tạo cho những người đã tốt nghiệp các chương trình giáo dục đại học khối ngành sức khỏe hoặc chương trình đào tạo chuyên khoa, đang làm việc chuyên môn có nhu cầu đào tạo nâng cao trình độ để có năng lực đào tạo và tự đào tạo nâng cao trình độ, nghiên cứu ứng dụng, làm việc chuyên nghiệp, độc lập với vai trò là một chuyên gia theo một phạm vi hoạt động chuyên môn chuyên sâu trong hệ thống y tế.

### **Chương II**

## **KHUNG CƠ CẤU VÀ BẬC TRÌNH ĐỘ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRONG LĨNH VỰC SỨC KHOẺ**

#### **Điều 5. Khung cơ cấu giáo dục đại học trong lĩnh vực sức khỏe**

1. Chương trình đào tạo trình độ đại học trong lĩnh vực sức khỏe phải có khối lượng học tập tối thiểu 120 tín chỉ tương đương với 04 năm học tập trung.  
Người tốt nghiệp trình độ đại học có thể học tiếp lên thạc sĩ theo quy định hiện hành hoặc có thể học tiếp chương trình đào tạo chuyên khoa hoặc chuyên khoa sâu để đạt trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia nếu đáp ứng được điều kiện của chương trình đào tạo.
2. Các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ được thực hiện theo quy định hiện hành.
3. Các chương trình đào tạo ngành Y khoa, ngành Răng Hàm Mặt, ngành Dược, chuyên khoa hoặc chuyên khoa sâu để đạt trình độ tương đương bậc 7 trong đào tạo lĩnh vực sức khỏe phải có khối lượng học tập tối thiểu 60 tín chỉ tương đương với 02 năm học tập trung và đáp ứng chuẩn đầu ra tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia (không bao gồm quá trình thực hành để đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề).  
Người tốt nghiệp trình độ đào tạo tương đương bậc 7 trong đào tạo lĩnh vực sức khỏe có thể học tiếp lên tiến sĩ hoặc có thể học tiếp chương trình đào tạo chuyên khoa hoặc chuyên khoa sâu tương đương trình độ bậc 8 nếu đáp ứng được điều kiện của chương trình đào tạo.
4. Các chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo quy định hiện hành.
5. Các chương trình đào tạo chuyên khoa hoặc chuyên khoa sâu để đạt trình độ tương đương bậc 8 trong đào tạo lĩnh vực sức khỏe phải có khối lượng học tập tối thiểu 90 tín chỉ tương đương với

03 năm học tập trung và đáp ứng chuẩn đầu ra tương đương bậc 8 theo Khung trình độ quốc gia (không bao gồm quá trình thực hành để đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề).

6. Các chương trình đào tạo chuyên khoa hoặc chuyên khoa sâu để bổ sung/thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn phải có khối lượng học tập tối thiểu 15 tín chỉ tương đương với 06 tháng học tập trung (không bao gồm quá trình thực hành để đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề).

## **Điều 6. Các bậc trình độ giáo dục đại học trong đào tạo lĩnh vực sức khỏe**

### **1. Bậc 6**

a) Xác nhận trình độ đào tạo của người học có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện về ngành được đào tạo trong lĩnh vực sức khỏe; kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật; kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu của ngành được đào tạo trong lĩnh vực sức khỏe; kiến thức về quản lý, điều hành, lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong hoạt động chung và chuyên môn của của ngành được đào tạo; có kỹ năng nhận thức liên quan đến phân biện, phân tích, tổng hợp về ngành trong lĩnh vực sức khỏe được đào tạo; kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp về ngành trong lĩnh vực sức khỏe được đào tạo; có khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức, thuộc ngành trong lĩnh vực sức khỏe được đào tạo, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ.

b) Bậc 6 trong đào tạo lĩnh vực sức khỏe yêu cầu khối lượng học tập tối thiểu 120 tín chỉ tương đương với 04 năm học tập trung. Người học hoàn thành chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra bậc 6 được cấp bằng cử nhân.

### **2. Bậc 7**

a) Đối với người được cấp bằng thạc sĩ: xác nhận trình độ đào tạo và khối lượng học tập tối thiểu theo quy định hiện hành;

b) Đối với người đã hoàn thành chương trình đào tạo ngành Y khoa, Răng Hàm Mặt và ngành Dược tương đương bậc 7 trong đào tạo lĩnh vực sức khỏe:

- Xác nhận trình độ đào tạo của người học có kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu, rộng ở mức độ làm chủ kiến thức trong phạm vi của ngành trong lĩnh vực sức khỏe được đào tạo, có kiến thức liên ngành liên quan và kiến thức chung về quản trị quản lý; có kỹ năng phân biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề của ngành trong lĩnh vực sức khỏe được đào tạo một cách khoa học và tiên tiến; có kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp trong ngành được đào tạo lĩnh vực sức khỏe về cả học thuật và nghề nghiệp; kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức trong ngành được đào tạo lĩnh vực sức khỏe, có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường lĩnh vực sức khỏe có nhiều thay đổi; có khả năng hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động của ngành được đào tạo lĩnh vực sức khỏe.

- Chương trình đào tạo ngành Y khoa, Răng Hàm Mặt và ngành Dược để được công nhận tương đương trình độ bậc 7 tiếp nhận người đã hoàn thành chương trình bậc 6 có khối lượng học tập tối thiểu 120 tín chỉ và đã được cấp bằng cử nhân ở ngành tương ứng.

- Chương trình đào tạo Y khoa, Răng Hàm Mặt và ngành Dược để được công nhận tương đương trình độ bậc 7 có khối lượng học tập tối thiểu 60 tín chỉ (không bao gồm quá trình thực hành để cấp chứng chỉ hành nghề). Người học hoàn thành chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu chuẩn

đầu ra bậc 7 được cấp bằng Bác sĩ (đối với ngành Y khoa, Răng Hàm Mặt), được cấp bằng Dược sĩ (đối với ngành Dược).

c) Đối với người đã hoàn thành chương trình đào tạo chuyên khoa, chuyên khoa sâu (đối với các ngành Điều dưỡng, Hộ sinh, Y tế công cộng, Dinh dưỡng, nhóm ngành Kỹ thuật Y học và các ngành khác trong lĩnh vực sức khỏe) tương đương bậc 7 trong đào tạo lĩnh vực sức khỏe:

- Xác nhận trình độ đào tạo của người học có kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu, rộng ở mức độ làm chủ kiến thức trong phạm vi của ngành trong lĩnh vực sức khỏe được đào tạo, có kiến thức liên ngành liên quan và kiến thức chung về quản trị quản lý; có kỹ năng phân biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề của ngành trong lĩnh vực sức khỏe được đào tạo một cách khoa học và tiên tiến; có kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp trong ngành được đào tạo lĩnh vực sức khỏe về cả học thuật và nghề nghiệp; kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức trong ngành được đào tạo lĩnh vực sức khỏe, có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường lĩnh vực sức khỏe có nhiều thay đổi; có khả năng hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động của ngành được đào tạo lĩnh vực sức khỏe.

- Xác nhận trình độ đào tạo của người học có kiến thức khoa học cơ bản vững và kiến thức cơ sở của các ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe, lý thuyết chuyên sâu; kiến thức chuyên ngành có hệ thống; có kiến thức thực tế, kỹ năng thực hành/ hành nghề cao nhằm mục đích đào tạo nhân lực y tế có khả năng thực hành trong một chuyên ngành rộng và sâu để có thể tự học vươn lên trở thành các chuyên gia trong thực hành/hành nghề và chủ động giải quyết thành thạo những vấn đề chuyên môn cơ bản thuộc chuyên ngành đào tạo trong lĩnh vực sức khỏe.

- Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng, Hộ sinh, Y tế công cộng, Dinh dưỡng, nhóm ngành Kỹ thuật Y học và các ngành khác trong lĩnh vực sức khỏe để được công nhận tương đương trình độ bậc 7 tiếp nhận người đã hoàn thành chương trình bậc 6 có khối lượng học tập tối thiểu 120 tín chỉ và đã được cấp bằng cử nhân ở ngành tương ứng.

- Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng, Hộ sinh, Y tế công cộng, Dinh dưỡng, nhóm ngành Kỹ thuật Y học và các ngành khác trong lĩnh vực sức khỏe để được công nhận tương đương trình độ bậc 7 có khối lượng học tập tối thiểu 60 tín chỉ (không bao gồm quá trình thực hành để cấp chứng chỉ hành nghề). Người học hoàn thành chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra bậc 7 được cấp bằng chuyên khoa, chuyên khoa sâu.

### 3. Bậc 8

a) Đối với người được cấp bằng tiến sĩ xác nhận trình độ đào tạo và khối lượng học tập tối thiểu theo quy định hiện hành;

b) Đối với người đã hoàn thành chương trình đào tạo tương đương bậc 8 (chuyên khoa, chuyên khoa sâu) trong đào tạo lĩnh vực sức khỏe:

- Xác nhận trình độ đào tạo của người học có kiến thức thực tế và có lý thuyết chuyên sâu ở vị trí hàng đầu của chuyên khoa, chuyên khoa sâu được đào tạo trong lĩnh vực sức khỏe; có kỹ năng tổng hợp, phân tích thông tin, phát hiện và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo; có tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo tri thức mới; có kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức, có khả năng xây dựng mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong quản lý, điều hành hoạt động chuyên khoa, chuyên khoa sâu; thể hiện năng lực sáng tạo, có khả năng tự định hướng và dẫn dắt chuyên môn, khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học mang tính chuyên gia.

- Xác nhận trình độ đào tạo của người học có kiến thức khoa học cơ bản vững và kiến thức cơ sở của các ngành thuộc lĩnh vực sức khoẻ, lý thuyết chuyên sâu; kiến thức chuyên ngành có hệ thống; có kiến thức thực tế, kỹ năng thực hành/ hành nghề cao nhằm mục đích đào tạo nhân lực y tế có khả năng thực hành trong một chuyên ngành rộng và sâu để có thể tự học vươn lên trở thành các chuyên gia bậc cao trong thực hành/hành nghề và chủ động giải quyết thành thạo những vấn đề chuyên môn thuộc chuyên ngành đào tạo trong lĩnh vực sức khoẻ.

- Chương trình đào tạo tương đương bậc 8 (chuyên khoa, chuyên khoa sâu) trong đào tạo lĩnh vực sức khoẻ để được công nhận tương đương trình độ bậc 8 tiếp nhận người đã hoàn thành chương trình bậc 7 có khối lượng học tập tối thiểu 60 tín chỉ và đã được cấp bằng bác sĩ, dược sĩ hoặc chuyên khoa, chuyên khoa sâu ở ngành tương ứng.

- Chương trình đào tạo chuyên khoa, chuyên khoa sâu trong đào tạo lĩnh vực sức khoẻ để được công nhận tương đương trình độ bậc 8 có khối lượng học tập tối thiểu 60 tín chỉ (không bao gồm quá trình thực hành để cấp chứng chỉ hành nghề). Người học hoàn thành chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra bậc 8 được cấp bằng chuyên khoa, chuyên khoa sâu.

### **Chương III**

#### **HÌNH THỨC, KHỐI LƯỢNG HỌC TẬP TỐI THIỂU VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO**

##### **Điều 7. Hình thức, loại hình đào tạo**

Đào tạo chuyên khoa, chuyên khoa sâu và đào tạo để bổ sung/thay thế phạm vi hoạt động chuyên môn được thực hiện theo hình thức chính quy tập trung bao gồm:

1. Đào tạo chuyên khoa: hệ nội trú, hệ tập trung.
2. Đào tạo chuyên khoa sâu: hệ tập trung.
3. Đào tạo để bổ sung/thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn: hệ tập trung.

##### **Điều 8. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo**

1. Đào tạo chuyên khoa đối với các ngành tuyển sinh đầu vào là ngành Y khoa, Răng Hàm Mặt:

a) Hệ nội trú: khối lượng học tập tối thiểu 120 tín chỉ tương ứng với 04 năm học tập trung, bao gồm cả quá trình thực hành để đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề và luận văn tốt nghiệp;

b) Hệ tập trung:

- Khối lượng học tập tối thiểu 90 tín chỉ tương ứng với 03 năm học tập trung đối với người đã có chứng chỉ hành nghề, bao gồm cả luận văn tốt nghiệp; - Khối lượng học tập tối thiểu 120 tín chỉ tương ứng với 04 năm học tập trung đối với người chưa có chứng chỉ hành nghề, bao gồm cả luận văn tốt nghiệp.

2. Đào tạo chuyên khoa đối với các ngành tuyển sinh đầu vào là các ngành còn lại:

Khối lượng học tập tối thiểu 15 tín chỉ tương ứng với 06 tháng học tập trung. Đối với các chương trình có khối lượng học tập tối thiểu 60 tín chỉ tương ứng với 02 năm học tập trung phải có thời lượng dành cho luận văn tốt nghiệp.

3. Đào tạo chuyên khoa sâu:

a) Đối với các ngành tuyển sinh đầu vào là các ngành Y khoa, Răng Hàm Mặt có khối lượng học tập tối thiểu 60 tín chỉ tương ứng với 02 năm học tập trung;

b) Đối với các ngành tuyển sinh đầu vào là các ngành còn lại: có khối lượng học tập tối thiểu 15 tín chỉ tương ứng với 06 tháng học tập trung.

4. Đào tạo để bổ sung/thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn: có khối lượng học tập tối thiểu 15 tín chỉ tương ứng với 06 tháng học tập trung.

5. Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục mã số đào tạo chuyên khoa, chuyên khoa sâu và khối lượng học tập tối thiểu cho từng ngành/chuyên ngành đào tạo.

## **Chương IV**

### **YÊU CẦU ĐỐI VỚI CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

**Điều 9. Cơ sở đào tạo là đại học, trường đại học, học viện đăng ký đào tạo chuyên khoa, chuyên khoa sâu phải đáp ứng đủ các yêu cầu sau:**

1. Đã được giao nhiệm vụ và đáp ứng đủ các điều kiện, yêu cầu đào tạo trình độ đại học ngành tương ứng theo đúng quy định hiện hành.

2. Đã có ít nhất 01 (một) khóa sinh viên trình độ đại học ngành tương ứng tốt nghiệp.

3. Có ít nhất 05 (năm) giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động trình độ chuyên khoa cấp II sau đại học hoặc tiến sĩ, phó giáo sư, giáo sư đã được cấp chứng chỉ hành nghề (đối với những ngành có yêu cầu cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh), có ít nhất 5 năm kinh nghiệm phù hợp với ngành/chuyên ngành đào tạo và đang làm việc thường xuyên tại cơ sở thực hành của cơ sở đào tạo; các giảng viên cơ hữu nói trên không trong danh sách giảng viên đề đăng ký mở ngành đào tạo ở các ngành/chuyên ngành, trình độ và loại hình đào tạo khác của cơ sở đào tạo.

4. Có cơ sở thực hành để thực hiện toàn bộ chương trình đào tạo và đáp ứng đủ các yêu cầu theo quy định hiện hành.

5. Với các ngành/chuyên ngành chưa đào tạo chuyên khoa cấp II sau đại học, chưa có giảng viên có học hàm giáo sư, phó giáo sư, nếu chưa đủ số lượng giảng viên cơ hữu phù hợp trong độ tuổi lao động theo quy định tại khoản 3 Điều này thì có thể thay thế bằng chuyên khoa cấp II, tiến sĩ, phó giáo sư, giáo sư của ngành gần. Các giảng viên của ngành gần này phải có kinh nghiệm giảng dạy trình độ sau đại học ít nhất 05 (năm) năm và có ít nhất 02 (hai) công trình khoa học thuộc lĩnh vực ngành đăng ký đào tạo đã công bố trong 05 (năm) năm tính đến ngày cơ sở đào tạo đăng ký mở ngành đào tạo.

Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết về danh mục các ngành gần của các ngành/chuyên ngành đào tạo chuyên khoa và công trình khoa học được quy định tại khoản 5 của Điều này.

**Điều 10. Cơ sở đào tạo là bệnh viện hạng đặc biệt, viện/bệnh viện chuyên khoa tuyến cuối đăng ký đào tạo chuyên khoa, chuyên khoa sâu phải đáp ứng đủ các yêu cầu sau:**

1. Là cơ sở thực hành của cơ sở đào tạo đã được giao nhiệm vụ đào tạo chuyên khoa, chuyên khoa sâu cùng ngành/chuyên ngành đăng ký đào tạo đáp ứng đủ yêu cầu quy định tại Khoản 2, Điều 10, Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe với ngành tương ứng.

2. Có ít nhất 05 (năm) cán bộ cơ hữu trong độ tuổi lao động có trình độ chuyên khoa cấp II hoặc tiến sĩ, phó giáo sư, giáo sư đã được cấp chứng chỉ hành nghề và có ít nhất 5 năm kinh nghiệm phù hợp với ngành/chuyên ngành đào tạo, đang làm việc thường xuyên tại bệnh viện; các giảng

viên cơ hữu nói trên không trong danh sách giảng viên để đăng ký mở ngành đào tạo ở các ngành/chuyên ngành, trình độ và loại hình đào tạo khác của cơ sở đào tạo.

3. Có các khoa, phòng, đơn vị chuyên môn bảo đảm thực hiện 100% chương trình thuộc khối kiến thức ngành/chuyên ngành của chương trình đào tạo.

4. Có hợp đồng với ít nhất 01 cơ sở đào tạo đang đào tạo chuyên khoa, chuyên khoa sâu để bảo đảm thực hiện các môn học/học phần thuộc khối kiến thức cơ sở, hỗ trợ trong trường hợp bệnh viện, viện không có đủ người đáp ứng điều kiện để giảng dạy các môn học/học phần đó.

**Điều 11. Cơ sở đào tạo là các Viện tuyến Trung ương thuộc lĩnh vực Y tế dự phòng và Y tế công cộng đăng ký đào tạo chuyên khoa phải đáp ứng đủ các yêu cầu sau:**

1. Là cơ sở thực hành của cơ sở đào tạo đã được giao nhiệm vụ đào tạo chuyên khoa, chuyên khoa sâu cùng ngành/chuyên ngành đăng ký đào tạo đáp ứng đủ yêu cầu quy định tại Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

2. Có ít nhất 05 (năm) cán bộ cơ hữu trong độ tuổi lao động trình độ chuyên khoa cấp II sau đại học hoặc tiến sĩ, phó giáo sư, giáo sư có ít nhất 5 năm kinh nghiệm phù hợp với ngành/chuyên ngành đào tạo, đang làm việc thường xuyên tại viện; các giảng viên cơ hữu nói trên không trong danh sách giảng viên để đăng ký mở ngành đào tạo ở các ngành/chuyên ngành, trình độ và loại hình đào tạo khác của cơ sở đào tạo.

3. Có các khoa, phòng, đơn vị chuyên môn bảo đảm thực hiện 100% chương trình thuộc khối kiến thức ngành/chuyên ngành của chương trình đào tạo.

4. Có hợp đồng với ít nhất 01 cơ sở đào tạo đang đào tạo chuyên khoa, chuyên khoa sâu để bảo đảm thực hiện các môn học/học phần thuộc khối kiến thức cơ sở, hỗ trợ trong trường hợp viện không có đủ người đáp ứng điều kiện để giảng dạy các môn học/học phần đó.

## **Chương V**

### **HỒ SƠ ĐĂNG KÝ VÀ QUY TRÌNH GIAO NHIỆM VỤ ĐÀO TẠO**

**Điều 12. Hồ sơ đăng ký nhận nhiệm vụ đào tạo**

Cơ sở đào tạo chuẩn bị hồ sơ đăng ký nhận nhiệm vụ đào tạo theo từng chương trình và mã số đào tạo, gồm có:

1. Tờ trình đăng ký nhận nhiệm vụ đào tạo chuyên khoa hoặc chuyên khoa sâu (theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 của Nghị định này).

2. Đề án đăng ký nhận nhiệm vụ đào tạo chuyên khoa hoặc chuyên khoa sâu (theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 của Nghị định này), gồm các nội dung sau:

a) Sự cần thiết mở ngành đào tạo chuyên khoa hoặc chuyên khoa sâu;

b) Nhu cầu nhân lực chuyên khoa hoặc chuyên khoa sâu tại địa phương, khu vực cơ sở đào tạo đặt trụ sở chính;

c) Năng lực đào tạo chuyên khoa hoặc chuyên khoa sâu dự kiến đăng ký đào tạo của cơ sở đào tạo (đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình, cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện, giáo trình, hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế, các hoạt động cung cấp dịch vụ y tế phục vụ xã hội, cơ sở thực hành...);

d) Mục tiêu và đối tượng đào tạo;

đ) Chương trình đào tạo (chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo chi tiết, minh chứng quá trình xây dựng bao gồm: khảo sát xác định nhu cầu và yêu cầu năng lực của người sẽ tốt nghiệp, đối chiếu và so sánh với chương trình đã có trong nước và nước ngoài, chương trình thực hành chi tiết, quá trình lấy ý kiến các đối tượng liên quan nhất là có đại diện đơn vị sử dụng lao động, biên bản của Hội đồng Khoa học và Đào tạo thẩm định chương trình);

e) Dự kiến quy mô đào tạo trong 5 năm đầu tiên khi được giao nhiệm vụ đào tạo chuyên khoa hoặc chuyên khoa sâu;

g) Kế hoạch đào tạo;

h) Các minh chứng kèm theo (theo quy định hiện hành về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe);

i) Biên bản của Hội đồng Khoa học và Đào tạo của cơ sở đào tạo thông qua Đề án đăng ký nhận nhiệm vụ đào tạo;

k) Lý lịch khoa học của giảng viên và người giảng dạy thực hành.

### **Điều 13. Quy trình giao nhiệm vụ đào tạo**

1. Cơ sở đào tạo xây dựng và gửi Hồ sơ đăng ký nhiệm vụ đào tạo chuyên khoa hoặc chuyên khoa sâu (sau đây gọi tắt là Hồ sơ) gửi về Bộ Y tế.

2. Bộ Y tế chủ trì tổ chức thẩm định Hồ sơ theo các bước:

a) Sau khi nhận được Hồ sơ (tính theo dấu công văn đến của văn thư Bộ Y tế), trong vòng 45 ngày làm việc Bộ Y tế phải tổ chức thẩm định chi tiết Hồ sơ đăng ký và thông báo kết quả cho cơ sở đào tạo (kèm theo biên bản thẩm định). Trường hợp cần thiết, Hội đồng thẩm định quyết định việc thẩm định thực tế tại cơ sở đào tạo;

b) Sau khi nhận được kết quả thẩm định (tính theo dấu bưu điện), trong vòng 60 ngày làm việc cơ sở đào tạo phải giải trình, hoàn thiện Hồ sơ và gửi về Bộ Y tế;

c) Sau khi nhận được Hồ sơ đã hoàn thiện theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định (tính theo dấu công văn đến của văn thư Bộ Y tế), trong vòng 15 ngày làm việc Bộ trưởng Bộ Y tế phải có quyết định giao nhiệm vụ đào tạo chuyên khoa hoặc chuyên khoa sâu cho cơ sở đào tạo.

3. Hội đồng thẩm định:

Hội đồng thẩm định do Bộ trưởng Bộ Y tế thành lập, gồm có từ 7 đến 9 thành viên là đại diện của các Vụ/Cục liên quan của Bộ Y tế, chuyên gia của các cơ sở đào tạo, cơ sở thực hành, cơ sở sử dụng nhân lực chuyên khoa, chuyên khoa sâu.

### **Điều 14. Thu hồi quyết định giao nhiệm vụ đào tạo**

Cơ sở đào tạo bị thu hồi quyết định giao nhiệm vụ đào tạo khi cơ quan nhà nước xác định có một trong các trường hợp sau:

1. Không duy trì được các yêu cầu về đào tạo chuyên khoa hoặc chuyên khoa sâu quy định tại Nghị định này.

2. Có hành vi gian lận để được nhận nhiệm vụ đào tạo chuyên khoa hoặc chuyên khoa sâu.

3. Vi phạm quy định về tuyển sinh, quản lý, tổ chức đào tạo chuyên khoa hoặc chuyên khoa sâu.



4. Không tuyển sinh được học viên học ngành/chuyên ngành đó trong 3 năm liên tiếp.

## **Chương VI**

### **VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ TRONG ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA**

#### **Điều 15. Văn bằng trong đào tạo chuyên khoa**

1. Bằng bác sĩ: Cấp cho người hoàn thành chương trình đào tạo để đạt trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia ngành Y khoa, ngành Răng Hàm Mặt quy định tại khoản 3 của Điều 5 và khoản 2 của Điều 6 Nghị định này.
2. Bằng dược sĩ: Cấp cho người hoàn thành chương trình đào tạo để đạt trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia ngành Dược quy định tại khoản 3 của Điều 5 và khoản 2 của Điều 6 Nghị định này.
3. Bằng chuyên khoa hoặc chuyên khoa sâu: Cấp cho người có bằng bác sĩ, dược sĩ hoặc bằng tốt nghiệp đại học lĩnh vực sức khỏe hoàn thành chương trình đào tạo để đạt trình độ tương đương bậc 7 hoặc bậc 8 theo Khung trình độ quốc gia được quy định tại khoản 3, khoản 5 của Điều 5 và khoản 2, khoản 3 của Điều 6 Nghị định này.
4. Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cấp và quản lý văn bằng đào tạo chuyên khoa, chuyên khoa sâu.

#### **Điều 16. Chứng chỉ trong đào tạo chuyên khoa**

1. Chứng chỉ chuyên khoa cấp cho người hoàn thành chương trình đào tạo chuyên khoa hoặc chuyên khoa sâu theo quy định tại khoản 6 của Điều 5 Nghị định này.
2. Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cấp và quản lý chứng chỉ đào tạo chuyên khoa, chuyên khoa sâu.

## **Chương VII**

### **BẢO ĐẢM ĐIỀU KIỆN TÀI CHÍNH CHO ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA**

#### **Điều 17. Ngân sách nhà nước chi cho đào tạo chuyên khoa**

1. Việc lập dự toán, phân bổ và quản lý ngân sách nhà nước chi cho đào tạo chuyên khoa lĩnh vực sức khỏe được thực hiện theo các nguyên tắc quy định tại Điều 102 của Luật Giáo dục, đảm bảo tính đúng, tính đủ chi phí đào tạo.
2. Bộ trưởng Bộ Y tế phối hợp với Thủ trưởng các Bộ, Ngành liên quan xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật các chuyên ngành đào tạo chuyên khoa làm căn cứ cho việc lập dự toán, phân bổ và quản lý ngân sách nhà nước chi cho đào tạo chuyên khoa.
3. Hằng năm, Bộ Y tế phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư dự toán, xây dựng phương án phân bổ và quản lý ngân sách nhà nước chi cho đào tạo chuyên khoa theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

#### **Điều 18. Học bổng, kinh phí cho đào tạo chuyên khoa**

1. Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn đối với học viên chuyên khoa, chuyên khoa sâu đạt thành tích cao trong học tập được cấp học bổng hỗ trợ hàng tháng trong năm học tiếp theo tương đương mức lương cơ bản. Quỹ học bổng được trích từ nguồn thu kinh phí đào tạo và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác.
2. Các cơ sở đào tạo chuyên khoa xác định chi phí đào tạo chuyên khoa theo nguyên tắc tính đúng, tính đủ chi phí trên cơ sở lấy thu bù chi và công khai minh bạch.

### 3. Kinh phí cho đào tạo chuyên khoa:

- a) Do cơ sở tuyển dụng, sử dụng nhân lực chi trả đối với người đã có chứng chỉ hành nghề và được cơ sở tuyển dụng, sử dụng nhân lực cử đi học theo hình thức đào tạo theo địa chỉ hoặc đào tạo theo đặt hàng;
- b) Do cơ sở tuyển dụng chi trả đối với những người được tuyển dụng và học chương trình đào tạo chuyên khoa hệ nội trú với phương thức đào tạo theo đặt hàng;
- c) Do người học tự chi trả đối với những cá nhân có nguyện vọng tự học tập nâng cao trình độ.

## **Chương VIII**

### **QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO, GIẢNG VIÊN VÀ HỌC VIÊN**

#### **Điều 19. Quyền và trách nhiệm của cơ sở đào tạo**

Thủ trưởng cơ sở đào tạo có quyền và trách nhiệm:

1. Xây dựng và công bố chuẩn đầu ra cho từng ngành/chuyên ngành đào tạo chuyên khoa trong lĩnh vực sức khỏe.
2. Xây dựng chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy các ngành/chuyên ngành được giao. Tạo điều kiện để giảng viên, người giảng dạy thực hành được bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn/nghiệp vụ để phục vụ cho việc giảng dạy.
3. Xây dựng chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm, xây dựng kế hoạch tuyển sinh gửi báo cáo Bộ Y tế xem xét và phê duyệt, ban hành Thông báo tuyển sinh theo quy định tại Nghị định này.
4. Tổ chức tuyển sinh hàng năm theo chỉ tiêu đã được Bộ Y tế phê duyệt.
5. Tổ chức và quản lý đào tạo theo chương trình đào tạo đã phê duyệt.
6. Thực hiện các quy định về tuyển sinh, công nhận trúng tuyển, xử lý những thay đổi trong quá trình đào tạo, xét tốt nghiệp, công nhận tốt nghiệp, cấp bằng, chứng chỉ tốt nghiệp và bảng điểm cho học viên theo quy định.
7. Thu, quản lý, sử dụng kinh phí và các nguồn lực khác cho đào tạo theo quy định hiện hành.
8. Công bố công khai các văn bản quy định về chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy; về kế hoạch, chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm cho từng ngành/chuyên ngành; về danh sách học viên trúng tuyển, danh sách học viên tốt nghiệp và được cấp bằng, chứng chỉ tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử (Website) của cơ sở đào tạo.
9. Phối hợp với cơ sở thực hành xây dựng, thống nhất và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy/học thực hành cho từng năm học theo quy định hiện hành.
10. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và lưu trữ.

#### **Điều 20. Quyền và trách nhiệm của giảng viên, người giảng dạy thực hành**

1. Quyền lợi của người giảng dạy lý thuyết:

- a) Được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ;
- b) Được hưởng phụ cấp khi tham gia các hoạt động giảng dạy theo quy định;
- c) Được tính giờ giảng và hưởng chế độ giờ giảng theo quy định hiện hành.

## 2. Trách nhiệm của người giảng dạy lý thuyết:

- a) Giảng dạy cho học viên theo mục tiêu, chương trình và kế hoạch đào tạo được phân công;
- b) Thường xuyên cập nhật kiến thức, cải tiến phương pháp giảng dạy, tận vấn giúp đỡ học viên trong học tập và nghiên cứu khoa học;
- c) Tham gia quản lý học viên trong quá trình giảng dạy;
- d) Đảm bảo khách quan, công bằng trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học và lượng giá học viên.

3. Quyền và trách nhiệm của người giảng dạy thực hành thực hiện theo Điều 16 Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

## **Điều 21. Quyền và trách nhiệm của học viên**

### 1. Quyền lợi của học viên:

- a) Được cơ sở đào tạo cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin về chương trình đào tạo và kế hoạch học tập của mình;
- b) Được sử dụng thư viện, học liệu và tài liệu học tập, phòng thí nghiệm, các trang thiết bị và cơ sở vật chất phục vụ đào tạo theo quy định;
- c) Được tham gia hoạt động đoàn thể, tổ chức xã hội tại cơ sở đào tạo; được hưởng các chế độ, chính sách ưu tiên (nếu có) theo quy định của Nhà nước;
- d) Lương, phụ cấp khác của học viên (nếu có) do cơ quan cử đi học giải quyết và được hưởng các quyền lợi khác theo quy định hiện hành;
- đ) Kết quả học tập được sử dụng cho việc tuyển dụng, dự thi nâng ngạch/bậc, duy trì và bổ sung/thay thế phạm vi hoạt động chuyên môn, đề bạt, bổ nhiệm theo quy định hiện hành;
- e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

### 2. Trách nhiệm của học viên:

- a) Thực hiện kế hoạch học tập, chương trình học tập và nghiên cứu khoa học trong thời gian quy định của cơ sở đào tạo;
- b) Trung thực trong học tập, nghiên cứu khoa học. Đóng học phí, kinh phí đào tạo (nếu có) theo quy định;
- c) Tham gia hoạt động chuyên môn phù hợp tại cơ sở đào tạo, cơ sở thực hành dưới sự hướng dẫn, giám sát của giảng viên và người giảng dạy thực hành;
- d) Tôn trọng nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên cơ sở đào tạo và cơ sở thực hành;
- đ) Chấp hành pháp luật của Nhà nước, quy định của cơ sở đào tạo và cơ sở thực hành;
- e) Giữ gìn và bảo vệ tài sản của cơ sở đào tạo và cơ sở thực hành.

3. Trong quá trình học thực hành, quyền và trách nhiệm của người học thực hành được quy định tại Điều 17 Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

## **Chương IX**

## **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 22. Tổ chức thực hiện**

#### **1. Bộ Y tế có trách nhiệm:**

- a) Chủ trì phối hợp với các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức triển khai, giám sát, kiểm tra, thanh tra và rà soát việc thực hiện các quy định tại Nghị định này;
- b) Chủ trì xây dựng và ban hành chuẩn đầu ra của từng ngành/chuyên ngành, quy chế tuyển sinh, quy định về chương trình, tổ chức đào tạo, đánh giá và công nhận tốt nghiệp, kiểm định chất lượng đào tạo chuyên khoa, chuyên khoa sâu;
- c) Chủ trì xây dựng và ban hành hướng dẫn quy định chuyển tiếp đối với những trường hợp đã tốt nghiệp chuyên khoa cấp I sau đại học, bác sĩ nội trú có nguyện vọng được đào tạo tiếp theo để đạt chuẩn trình độ theo quy định của Nghị định này;
- d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ hướng dẫn công nhận trình độ và các chế độ, chính sách phù hợp đối với những người đã được cấp bằng Bác sĩ Nội trú, chuyên khoa cấp I sau đại học và chuyên khoa cấp II sau đại học;
- đ) Các nhiệm vụ khác quy định tại khoản 5 Điều này.

#### **2. Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm:**

- a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế hướng dẫn các quy định cụ thể về tiêu chuẩn, trách nhiệm, quyền lợi của giảng viên, giảng viên thỉnh giảng của các cơ sở thực hành trong đào tạo chuyên khoa, chuyên khoa sâu trong lĩnh vực sức khỏe;
- b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế quy định việc chuyển đổi giữa hệ thống văn bằng, chứng chỉ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hệ thống văn bằng, chứng chỉ đào tạo chuyên khoa, chuyên khoa sâu.

#### **3. Bộ Nội vụ có trách nhiệm:**

- a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế hướng dẫn các quy định cụ thể về: vị trí việc làm của người học, giảng viên, chế độ chính sách, chức danh nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu phối hợp giữa cơ sở đào tạo với cơ sở thực hành trong đào tạo chuyên khoa, chuyên khoa sâu;
- b) Chủ trì xây dựng lộ trình để đến năm 2025 chỉ tiêu đào tạo chuyên khoa hệ nội trú gắn với vị trí việc làm và được hưởng chế độ tập sự tại cơ sở thực hành phù hợp với nhu cầu nhân lực của hệ thống y tế và năng lực của cơ sở đào tạo.

#### **4. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế hướng dẫn về tài chính để triển khai đào tạo chuyên khoa, chuyên khoa sâu trong lĩnh vực sức khỏe.**

#### **5. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:**

- a) Xây dựng kế hoạch và bố trí nguồn lực để triển khai hoạt động theo quy định tại Nghị định này thuộc phạm vi quản lý;
- b) Phối hợp với Bộ Y tế trong tổ chức triển khai, giám sát, kiểm tra, thanh tra và rà soát việc thực hiện quy định của Nghị định này đối với các cơ sở đào tạo và cơ sở thực hành trong đào tạo chuyên khoa, chuyên khoa sâu lĩnh vực sức khỏe thuộc phạm vi quản lý;

### **Điều 23. Quy định chuyển tiếp**

1. Các chương trình đào tạo đang thực hiện trước khi Nghị định này có hiệu lực tiếp tục thực hiện theo các quy định tại thời điểm tuyển sinh.
2. Các cơ sở đào tạo rà soát chương trình và chuẩn đầu ra của từng ngành/chuyên ngành đào tạo phù hợp và đạt chuẩn đầu ra theo quy định của Khung trình độ quốc gia Việt Nam hiện hành.

### **Điều 24. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

### **Điều 25. Trách nhiệm thi hành**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

#### ***Nơi nhận:***

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (5b).

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Xuân Phúc**

### **PHỤ LỤC 1**

Tờ trình đề nghị mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ .....

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....

.....(1), ngày tháng năm

V/v: đề nghị mở ngành/chuyên ngành..... trình độ.....

Kính gửi: Bộ Y tế

(2).....  
.....  
.....  
.....  
.....

.....  
**Nơi nhận:**

-.....

-.....

- Lưu:.....

**Ghi chú:**

(1): Địa danh (tên gọi chính thức của đơn vị hành chính nơi cơ sở đào tạo đóng)

(2): Nội dung Tờ trình trình bày tóm tắt sự cần thiết mở ngành/chuyên ngành..... trình độ ....; tóm tắt năng lực để đáp ứng yêu cầu đào tạo ngành/chuyên ngành .....trình độ đó của cơ sở đào tạo; quy mô đào tạo; kế hoạch bảo đảm chất lượng đào tạo...

## **PHỤ LỤC 2**

### **ĐỀ ÁN**

---

**(Trang bìa)**

Tên cơ sở đào tạo

### **ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ NHẬN NHIỆM VỤ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ.....**

Ngành/Chuyên ngành: .....

(mã số.....)

Kèm theo Tờ trình số...../..... của Hiệu trưởng trường (hoặc Giám đốc Bệnh viện, Viện trưởng).....

Năm.....

***(Các trang bên trong)***

**Mục lục** (đánh số trang từ 1 đến hết)

**I. Mở đầu**

- Giới thiệu về cơ sở đào tạo: ngày thành lập; quá trình hình thành và phát triển; về khoa/bộ môn/đơn vị chuyên môn trực tiếp nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ chuyên khoa, chuyên khoa sâu ngành, chuyên ngành đăng kí đào tạo. Các thành tựu trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học; các quyết định giao nhiệm vụ đào tạo các ngành, chuyên ngành sau đại học,..... (nếu có); Số khoá đại học chính qui ngành, chuyên ngành tương ứng với ngành, chuyên ngành đăng ký mở đã và đang đào tạo, số khoá đã tốt nghiệp, số sinh viên đã tốt nghiệp, những chuyên ngành đã được giao đào tạo.

- Lý do đăng ký nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ ..... ngành, chuyên ngành.....; Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ.....của ngành, chuyên ngành đăng ký đào tạo;

## II. Mục tiêu và đối tượng đào tạo

1. Mục tiêu chung
2. Mục tiêu cụ thể: về Kiến thức, Thái độ và Kỹ năng
3. Mô tả nhiệm vụ sau khi tốt nghiệp
4. Đối tượng đào tạo

- Điều kiện dự tuyển: Quy định cụ thể về văn bằng, thời gian và kinh nghiệm làm việc chuyên môn phù hợp với ngành, chuyên ngành dự thi,...

- Điều kiện trúng tuyển.

- Điều kiện tốt nghiệp.

## III. Đội ngũ giảng viên

Danh sách giảng viên của cơ sở đào tạo đảm nhận giảng dạy các môn học trong chương trình đào tạo, đặc biệt là của khoa/bộ môn/đơn vị thực hiện nhiệm vụ đào tạo môn học ngành/chuyên ngành; Danh sách giảng viên mời giảng (có hợp đồng trách nhiệm).

## IV. Cơ sở vật chất

- Trang thiết bị phục vụ cho đào tạo.

- Cơ sở thực hành: học viên được thực hành ở đâu, sự đáp ứng về chuyên môn kỹ thuật của cơ sở thực hành với yêu cầu đào tạo trình độ.....Đội ngũ giảng viên mời giảng của cơ sở thực hành đáp ứng yêu cầu đào tạo trình độ..... Sự phối hợp giữa cơ sở đào tạo và cơ sở thực hành, các minh chứng theo quy định tại Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017.

## V. Chương trình

### 1. Phân bổ quỹ thời gian của khoá học

Tổng thời gian đào tạo: ..... năm = .... tín chỉ

#### 1.1. Chia theo môn học (tùy theo trình độ đào tạo)

TT	Môn học	Số tín chỉ	Số tiết			
			Tổng số	LT	TH	Tỷ lệ %
1	Các môn chung					
2	Các môn cơ sở và hỗ trợ					
3	Môn chuyên ngành					

4	Tốt nghiệp					
	<b>Tổng số</b>					<b>100%</b>

**1.2. Chia theo học phần (tùy theo trình độ đào tạo)**

TT	Học phần	Số tín chỉ	Số tiết		
			Tổng số	LT	TH
1	<b>Các môn chung</b>				
2	<b>Các môn cơ sở và hỗ trợ</b>				
3	<b>Môn chuyên ngành</b>				
	<b>PHẦN BẮT BUỘC</b>				
	<b>PHẦN TỰ CHỌN</b>				
4	<b>Tốt nghiệp/luận văn</b>				
	<b>Tổng số</b>				<b>100%</b>

**2. Chương trình chi tiết và đề cương môn học**

2.1. Các môn chung

2.2. Các môn cơ sở, hỗ trợ

2.3. Môn chuyên ngành

A. Phần bắt buộc

B. Phần tự chọn

**3. Chỉ tiêu tay nghề**

Đạt tối thiểu như sau:

STT	Tên chỉ tiêu	Số lần thực hiện	Trong Đó Đạt ở các mức Độ		
			I	II	III

**Ghi chú:**

Mức độ I: kiến tập;

Mức độ II: làm dưới sự giám sát của thầy;

Mức độ III: làm độc lập, thành thạo.

**4. Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình**

**VI. Kế hoạch đào tạo**



1. Kế hoạch toàn khóa học

2. Qui mô đào tạo

**VII. Các minh chứng**

- Biên bản thông qua Hội đồng Khoa học Đào tạo của cơ sở đào tạo;
- Danh sách giảng viên cơ hữu, giảng viên thỉnh giảng;
- Danh sách trang thiết bị dạy học và cơ sở thực hành;
- Danh mục tài liệu chính phục vụ dạy/học;
- Hợp đồng với cơ sở thực hành theo quy định tại Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017;
- Hợp đồng giảng dạy với giảng viên thỉnh giảng.

**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO**  
*(ký, đóng dấu)*